

# NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO CỦA CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN QUỐC TẾ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN VỚI CÁC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN MOODLE VÀ TURNITIN

Trịnh Thị Thu Giang\*, Ray Webster\*\*

*Xuất phát từ các yêu cầu đặc thù của mình, Chương trình Cử nhân Quốc tế tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã chủ động đi tiên phong trong việc triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý đào tạo và quản trị học tập. Trong bài viết này, tác giả làm rõ đặc điểm chung của các hệ thống hỗ trợ này, để thấy được vai trò cũng như tác động của mỗi hệ thống, và nêu đặc điểm cụ thể của ứng dụng Moodle và Turnitin. Các kinh nghiệm cụ thể của quá trình triển khai các ứng dụng này tại Chương trình, các kết quả đạt được, các khó khăn cũng như những đề xuất khắc phục là đóng góp thực tế quan trọng của bài viết.*

**Từ khóa:** EMS, LMS, Moodle, Turnitin, ứng dụng công nghệ thông tin

Ngày nay, các ứng dụng công nghệ thông tin đang phát triển ngày càng mạnh mẽ và có ảnh hưởng sâu rộng tới nhiều mặt của đời sống. Hệ thống giáo dục cũng không nằm ngoài xu thế đó, và các tiến bộ công nghệ thông tin đang mang lại những ứng dụng có hiệu quả tích cực và có khả năng tạo ra những thay đổi đáng kể trong lĩnh vực giáo dục.

Nhiều trường đại học trên thế giới và tại Việt Nam hiện nay đang coi việc đưa các ứng dụng công nghệ vào trong đào tạo như là một cách tăng cường công tác quản lý chất lượng và hỗ trợ môi trường học tập. Thực tế cho thấy, việc đưa các ứng dụng này vào trong đào tạo đã tạo ra những thành công nhất định với nhiều trường đại học, tạo ra sự đổi mới trong phương pháp tiếp cận và hỗ trợ tích cực cho việc thúc đẩy quá trình học tập của sinh viên. Bài viết này xin trình bày chung về các hệ thống phần mềm hiện nay hỗ trợ và nâng cao chất lượng trong đào tạo đại học hiện nay, và một số ứng dụng có hiệu quả tích cực tại Chương trình Cử nhân Quốc tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

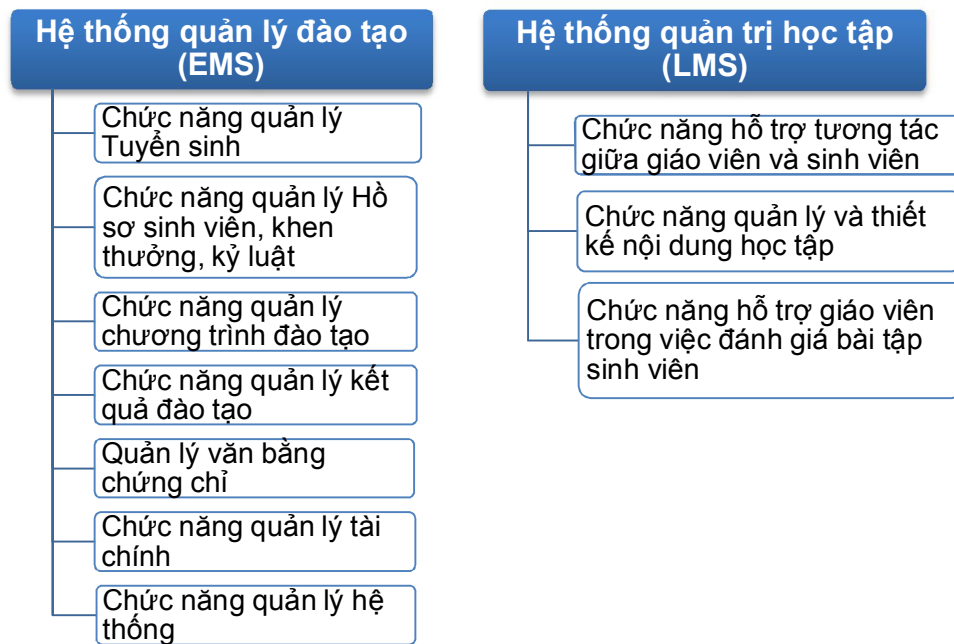
## **1. Hệ thống các phần mềm hỗ trợ và nâng cao chất lượng trong đào tạo**

### **1.1. Tổng quan về các phần mềm hỗ trợ và nâng cao chất lượng trong đào tạo**

Hệ thống các phần mềm hỗ trợ và nâng cao chất lượng trong đào tạo bao gồm hai hệ thống chính, đó là hệ thống quản lý đào tạo (education management system- EMS) và hệ thống quản trị học tập (learning management system- LMS). Nội dung các chức năng của hệ thống hỗ trợ quản lý đào tạo EMS và hệ thống quản trị học tập được mô tả khái quát trong Hình 1.

Hệ thống quản lý đào tạo EMS là hệ thống phục vụ chủ yếu về mục tiêu quản lý, hỗ trợ chính cho nhóm người dùng là cán bộ quản lý chương trình đào tạo, nhìn chung bao gồm các chức năng cho phép thực hiện toàn bộ quá trình quản lý đào tạo từ khâu đầu tiên (đầu vào) đến khâu kết thúc (đầu ra). Như vậy, các chức năng chính của một hệ thống quản lý đào tạo tiêu biểu bao gồm chức năng Tuyển sinh hoặc Gợi nhập học, Quản lý hồ sơ sinh viên, Quản lý khung chương trình đào tạo và kế hoạch thực hiện chương trình đào tạo, Quản lý kết quả đào tạo, Quản lý các văn bằng chứng chỉ, Quản lý tài chính và Quản lý hệ thống người dùng. Sinh viên có thể sử dụng hệ thống này trong việc truy cập thông tin cá nhân và kết quả học tập, trong việc đăng ký môn học và nhận các thông báo về thời khóa biểu, lịch học, lịch thi, học phí. Giáo viên có thể sử dụng

**Hình 1: Nội dung các chức năng của hệ thống hỗ trợ quản lý đào tạo EMS và quản trị học tập LMS**



*Nguồn: Tác giả tự xây dựng*

hệ thống này để nắm được thông tin về thời khóa biểu, cũng như báo cáo kết quả đánh giá môn học của sinh viên cho các cán bộ quản lý chương trình. Một nhóm đối tượng tiềm năng khác có thể khai thác hệ thống quản lý đào tạo, đó chính là các phụ huynh. Các thông tin họ quan tâm bao gồm thời khóa biểu, lịch học, lịch thi, học phí, tình hình đi học và các kết quả học tập của sinh viên. Với một hệ thống quản lý đào tạo được phát triển đầy đủ các chức năng như trên, quy trình quản lý đào tạo sẽ được nâng cấp và chuẩn hóa, cho phép các cán bộ quản lý chương trình và lãnh đạo nhà trường có được các báo cáo kịp thời, chính xác, cũng như cho phép truy xuất các thông tin cần thiết cho quá trình quản lý một cách nhanh chóng, hiệu quả.

Tuy nhiên, hệ thống này không chú trọng vào mối quan hệ chính trong quá trình giảng dạy-học tập, đó chính là mối quan hệ tương tác giữa giảng viên và sinh viên. Do đó, hệ thống quản trị học tập LMS chính là sự phối hợp cần thiết để tạo ra một hệ thống hỗ trợ cân bằng và hoàn chỉnh, giúp nâng cao chất lượng học tập của sinh viên.

Chức năng chính của hệ thống quản trị học tập LMS là tạo ra môi trường cho phép người dạy và người học tương tác với nhau tốt hơn, có hiệu quả hơn, và kích hoạt khả năng học tập liên tục của sinh viên. Hệ thống này cho phép người dạy chủ động

tạo ra những kế hoạch, nhiệm vụ cho sinh viên trong quá trình học tập, tạo các không gian phù hợp cho các nhiệm vụ cá nhân cũng như nhiệm vụ nhóm, cung cấp các tư liệu cần thiết cho sinh viên, đồng thời có thể tương tác dễ dàng để hỗ trợ, khuyến khích và giám sát quá trình học tập của sinh viên. Với hệ thống này, môi trường học tập được mở rộng hơn, gia tăng sự tương tác và trao đổi giữa người dạy và người học theo hướng chủ động, dễ dàng và cởi mở hơn, để người học thực sự trở thành trung tâm của quá trình dạy học. Ngoài ra, với nhiều các chương trình đào tạo trực tuyến hiện nay, người dạy được cung cấp thêm chức năng quản lý và thiết kế nội dung học tập, nhằm đạt được hiệu quả tốt hơn trong quá trình giảng dạy và đánh giá sinh viên. (‘Learning Management System’, 2008)

Song song với những ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tạo ra một hệ thống quản lý đào tạo hiệu quả hơn và hệ thống quản trị học tập đa dạng, tích cực, một khía cạnh nữa cũng rất được chú trọng, đó chính là việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Một trong những tiêu chí được các trường đại học hàng đầu trên thế giới hiện nay quan tâm, đó chính là tính nguyên bản học thuật (academic integrity) hay còn gọi là tính trung thực học thuật. Điều này đòi hỏi sinh viên phải hết sức trung thực trong việc sử dụng và trích dẫn tài liệu từ nguồn

khác một cách đầy đủ, chính xác. Trong thời đại kỹ thuật số hiện nay, khi hầu như mọi thông tin đều có thể tìm thấy trên Internet, cơ hội khai thác và sử dụng các thông tin này đối với người học trở nên hết sức dễ dàng. Khi đó, người học sẽ phải đối mặt với nguy cơ phạm phải lỗi sao chép hoặc gian lận trong bài vở của mình. Vì thế, bên cạnh việc đánh giá chất lượng cụ thể của bài tập, giáo viên cũng đồng thời được yêu cầu đánh giá tính nguyên bản học thuật của chúng ('Tính Nguyên bản học thuật', 2013). Đây là công việc đòi hỏi nhiều thời gian và nỗ lực để đảm bảo sự công bằng và phát hiện ra các trường hợp gian lận. Các phần mềm hỗ trợ giáo viên trong việc đánh giá bài chính là một bước quan trọng để chuẩn hóa các yêu cầu chấm bài và giảm tải cho giáo viên trong việc tìm lỗi gian lận trong khi chấm bài.

Như vậy, đây là hai hệ thống bổ sung cho nhau, nhằm quản lý được một cách toàn diện các mối quan hệ giữa các nhóm đối tượng chính trong một chương trình đào tạo.

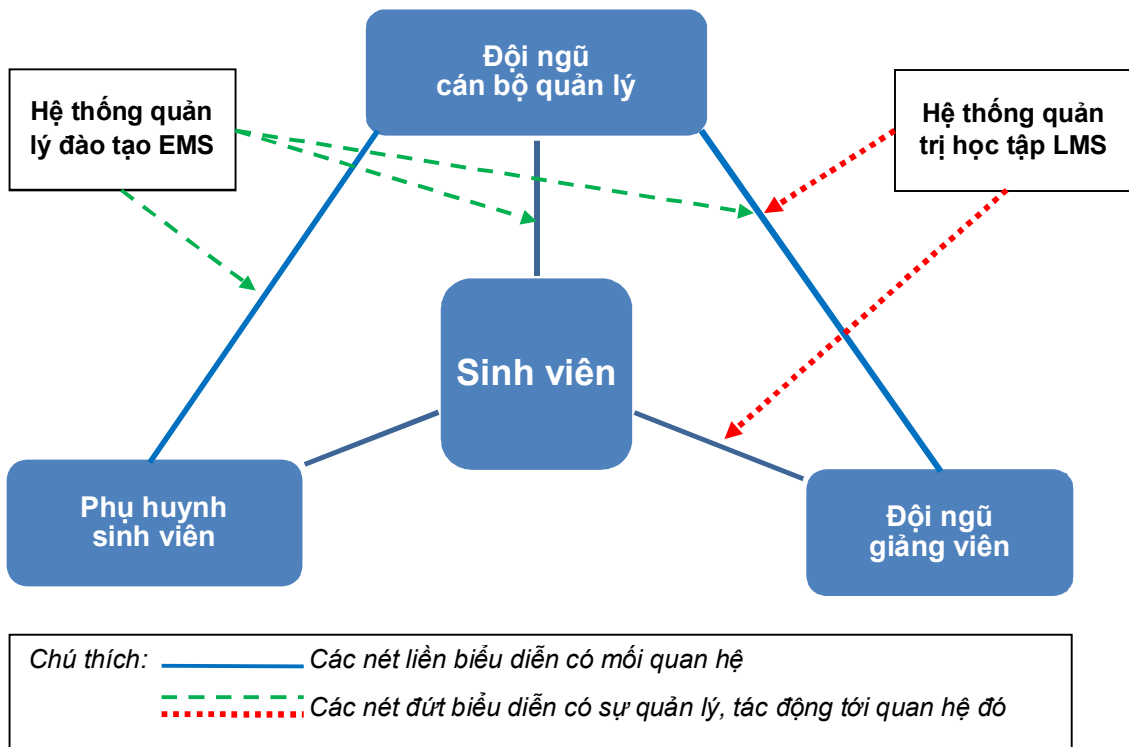
Hình 2 là mô hình biểu diễn các mối quan hệ giữa các nhóm đối tượng có liên quan trong một chương trình đào tạo, bao gồm sinh viên ở trung tâm, đội

ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ giảng viên, và nhóm các phụ huynh sinh viên. Trong khi hệ thống quản lý đào tạo EMS cho phép hỗ trợ hiệu quả các mối quan hệ cán bộ quản lý – sinh viên, cán bộ quản lý – phụ huynh sinh viên, và cán bộ quản lý – giáo viên, thì hệ thống quản trị học tập LMS được thiết kế để hỗ trợ các mối quan hệ giáo viên – sinh viên và quan hệ cán bộ quản lý – giáo viên.

Nếu các hệ thống ứng dụng này được khai thác một cách hiệu quả, quá trình quản lý đào tạo nói chung, và các quy trình quản trị học tập sẽ tạo ra những hỗ trợ to lớn để nâng cao chất lượng quản lý chương trình cũng như chất lượng học tập của sinh viên.

Tuy nhiên, trong khi các hệ thống quản lý đào tạo EMS thường được thiết kế nhằm đáp ứng các yêu cầu riêng về quản lý của từng chương trình đào tạo, các hệ thống quản trị học tập LMS thường chia sẻ các đặc điểm rất tương đồng giữa các cơ sở đào tạo khác nhau. Phần tiếp theo của bài viết sẽ tập trung vào phân tích các tính năng cụ thể của các ứng dụng thuộc nhóm hệ thống quản trị học tập LMS và quá trình triển khai cụ thể tại Chương trình Cử nhân Quốc tế tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân (ĐH

**Hình 2: Mô hình biểu diễn các mối quan hệ giữa các nhóm đối tượng và khả năng hỗ trợ các mối quan hệ của EMS và LMS**



Nguồn: Tác giả tự xây dựng

KTQD).

### **1.2. Phần mềm Moodle**

Moodle (Modular Object-Oriented Dynamic Learning Environment) là hệ thống môi trường quản trị học tập được Martin Dougiamas xây dựng bắt đầu từ năm 1999, với mục đích tạo ra các khóa học trực tuyến có sự tương tác cao. Hệ thống này được thiết kế dạng mã nguồn mở, tạo điều kiện cho người dùng có thể chỉnh sửa được theo nhu cầu sử dụng của mình.

Theo thống kê mới nhất của Moodle, vào tháng 10/2013, có 87.066 website đã đăng ký sử dụng tại 239 quốc gia. Số lượng khóa học được cung cấp thông qua các ứng dụng Moodle là 7.879.396 khóa với hơn 73 triệu người dùng, hơn 1,3 triệu giáo viên. Số lượng bài trao đổi trong các diễn đàn đã đạt hơn 130 triệu, số lượng tài liệu được cung cấp là gần 70 triệu, và gần 200 triệu câu hỏi kiểm tra đã được đưa lên và sử dụng tại Moodle (Thống kê Moodle, 2013). Các đại diện tiêu biểu sử dụng hệ thống này có thể kể đến Đại học Mở Vương quốc Anh (Open University) và Athabasca University (hay còn được gọi là “Đại học Mở Canada”).

Đại học Mở của Vương quốc Anh được thành lập từ năm 1970, là trường đầu tiên cung cấp chủ yếu các chương trình đào tạo trực tuyến, và là đại học lớn nhất toàn châu Âu với quy mô hơn 180.000 sinh viên, trong đó 150.000 là sinh viên đại học, và hơn 30.000 học viên ở bậc sau đại học. Trường có hệ thống hơn 7.000 trợ giảng với số lượng ngành đào tạo hết sức đa dạng và mức độ hỗ trợ cao đối với người học. Năm 2005, sau khi đã loại bỏ các lựa chọn sử dụng phần mềm hỗ trợ học tập thương mại (như WebCT, Blackboard), trường Đại học Mở của Vương quốc Anh đã quyết định chọn Moodle là hệ thống nền tảng để tiếp tục phát triển hệ thống hỗ trợ và quản lý học tập của nhà trường (Sclater, 2008). Đây là một trong những sự khẳng định rõ ràng nhất về chất lượng của Moodle so với các phần mềm quản trị học tập thương mại khác hiện nay.

Athabasca University là Đại học Mở hàng đầu của Canada, với hơn 40.000 sinh viên và định kỳ cung cấp hơn 850 môn học. Trường đã ứng dụng hệ thống Moodle từ năm 2005 để hỗ trợ hoạt động học tập và giảng dạy, và đã đạt được nhiều thành công.

Như vậy, với những số liệu minh chứng sự phổ biến của Moodle và những trường hợp ứng dụng thành công Moodle ở quy mô đặc biệt lớn, Moodle

đã từng bước khẳng định vững chắc chất lượng của mình là một ứng dụng quản trị học tập hàng đầu thế giới hiện nay.

### **1.3. Phần mềm Turnitin**

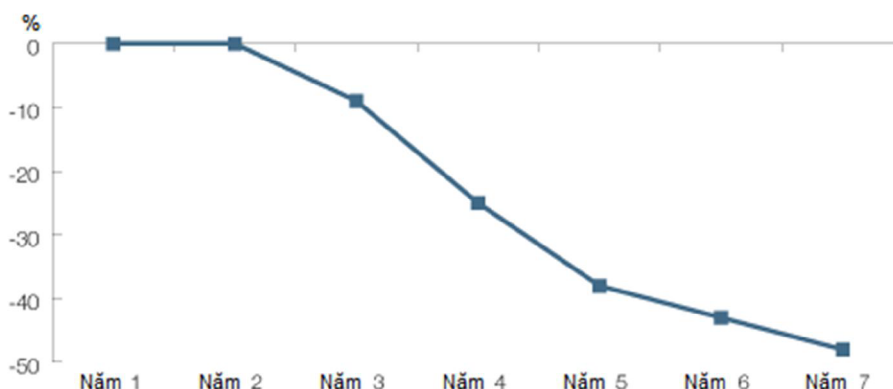
Phần mềm Turnitin là một phần mềm thành công nổi tiếng trong lĩnh vực hỗ trợ đảm bảo tính trung thực học thuật của các trường đại học trên thế giới. Hiện nay có khoảng hơn 1.000 trường đại học trên toàn thế giới đang sử dụng Turnitin là một công cụ bắt buộc trong việc đánh giá bài tập của sinh viên.

Với bề dày hơn một thập kỷ, Turnitin đã xây dựng một hệ thống cơ sở dữ liệu khổng lồ, bao gồm hơn 24 tỉ trang web trên toàn thế giới, và hơn 300 triệu bài tập của sinh viên đã nộp vào - tạo thành một phần cơ sở dữ liệu hết sức quý báu của Turnitin. Ngoài ra, Turnitin còn xây dựng quan hệ đối tác với nhiều thư viện điện tử về chuyên ngành nổi tiếng như Emerald, SAGE, GALE, Crossref, Acumen, EBSCO Host để có thể tiếp cận và đối chiếu với thêm hơn 110 triệu bài báo, bài nghiên cứu của các học giả trên toàn thế giới. Như vậy mỗi khi một sinh viên nộp bài vào Turnitin, bài tập đó của sinh viên sẽ được kiểm tra và đối chiếu với toàn bộ kho cơ sở dữ liệu khổng lồ của Turnitin để đảm bảo tính trung thực học thuật của bài tập (Cơ sở dữ liệu Turnitin, 2013).

Turnitin hiện được hơn 800,000 giáo viên sử dụng trong việc đánh giá tính trung thực học thuật của sinh viên. Một khảo sát của Turnitin tháng 4/2010 với các giáo viên cho thấy, 92% người trả lời cho rằng phần mềm này giúp họ hạn chế được tình trạng sao chép và gian lận bài, 89% nhận thấy sinh viên quan tâm hơn đến tính trung thực học thuật, 83% cho rằng giúp họ dạy các kỹ thuật về tổng hợp, trích dẫn và trình bày ý kiến. Bên cạnh đó, 75% người trả lời cũng cho rằng phần mềm đã giúp sinh viên hoàn thiện được kỹ năng viết ở bậc đại học.

Một nghiên cứu lớn gần đây tại hơn 2.000 trường trung học phổ thông ở cấp độ quốc gia của Hoa Kỳ với hơn 36 triệu bài của học sinh tham gia cho thấy ứng dụng Turnitin đã góp phần làm giảm đáng kể các gian lận trong học thuật. Tuy Turnitin có thể chưa được thấy rõ hiệu quả ngay khi mới áp dụng ở năm đầu tiên, các trường sử dụng Turnitin có tỉ lệ bài gian lận thấp hơn 33% trong suốt quá trình học dài 8 năm. Bên cạnh đó, 43 trong tổng số 50 bang đã cho thấy số lượng bài viết gian lận giảm đi trong suốt khóa học, trong đó Massachusettes là bang có

**Hình 3: Tỷ lệ giảm dần của các gian lận học thuật của sinh viên khi sử dụng liên tục Turnitin tại các trường đại học Hoa Kỳ**



*Nguồn Nghiên cứu về tính hiệu quả của Turnitin, 2013.*

tỷ lệ bài viết gian lận giảm nhiều nhất, đến 83% trong 8 năm (Nghiên cứu về tính hiệu quả của Turnitin, 2013).

Như vậy Turnitin là một phần mềm giúp tăng cường chất lượng học thuật của chương trình đào tạo, thông qua việc phát hiện và hạn chế tình trạng gian lận trong làm bài của sinh viên, từ đó nâng cao chất lượng học tập cũng như chất lượng đào tạo của các đơn vị áp dụng.

## **2. Quá trình triển khai và kết quả ứng dụng các phần mềm LMS tại Chương trình Cử nhân Quốc tế, trường ĐH Kinh tế Quốc dân**

Chương trình Cử nhân Quốc tế, trường Đại học Kinh tế Quốc dân (IBD@NEU – sau đây gọi tắt là Chương trình) là chương trình đào tạo đại học hợp tác giữa trường Đại học Kinh tế Quốc dân với các đối tác nước ngoài có uy tín là Tổ chức Khảo thí và Kiểm định chất lượng Edexcel International, ĐHTH Sunderland, ĐHTH West of England, Vương quốc Anh. Chương trình cho phép sinh viên có thể lấy bằng Cử nhân các ngành Quản trị Kinh doanh, Kinh tế, Ngân hàng-Tài chính của các trường đại học Vương quốc Anh ngay tại Việt Nam, hoặc chuyển tiếp ra nước ngoài. Chương trình được dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh và được các đối tác nước ngoài trực tiếp kiểm định chất lượng và chịu trách nhiệm cấp bằng.

Với yêu cầu đào tạo như vậy, việc áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin trong Chương trình đã được coi là một trong những hướng đi quan trọng để hỗ trợ quá trình quản lý đào tạo, cũng như tạo một môi trường giảng dạy-học tập tích cực và thuận

lợi, để từ đó nâng cao chất lượng học tập của sinh viên.

### **2.1. Quá trình ứng dụng**

Hệ thống Moodle bắt đầu được triển khai tại Chương trình Cử nhân Quốc tế từ tháng 6 năm 2009. Mục tiêu đầu tiên của hệ thống này là tạo một môi trường hỗ trợ đào tạo theo tín chỉ, đặc biệt là việc đăng ký môn học trực tuyến. Một nhóm thực hiện dự án gồm 3 người được thành lập, trong đó có một giáo sư của ĐHTH Murdoch, Úc, hỗ trợ. Với các tài liệu hướng dẫn rất đầy đủ và đa dạng được cung cấp bởi cộng đồng Moodle, nhóm đã tự xác định được hướng triển khai phù hợp. Hệ thống đầu tiên được triển khai là phiên bản Moodle 1.9, với các tính năng chính bao gồm việc cho phép giảng viên tự thiết kế kế hoạch giảng dạy và cung cấp tài liệu theo tiến độ mong muốn, tạo ra các môi trường tương tác phù hợp như diễn đàn, wiki, post thông báo, ra bài tập,... Với sinh viên, hệ thống Moodle cho phép sinh viên đăng ký môn học trực tuyến theo kế hoạch có sẵn, đăng nhập để tiếp cận với tài liệu giáo viên cung cấp, trao đổi, thảo luận, làm việc nhóm với nhau mà không cần phải gặp trực tiếp. Qua 4 năm sử dụng, đến nay, toàn bộ các môn học của Chương trình đã được cung cấp trên Moodle như một kênh hỗ trợ quan trọng để giáo viên và sinh viên làm việc với nhau.

Phần mềm Turnitin vừa bắt đầu được ký hợp đồng và triển khai từ năm học 2013-2014, chủ yếu dành cho các môn học chuyên ngành. Trong học kỳ đầu tiên, có 17 môn học đã được sử dụng Turnitin để sinh viên nộp bài và được đối chiếu bài với toàn

bộ cơ sở dữ liệu của Turnitin.

Nhìn chung, việc triển khai Turnitin khá đơn giản so với các ứng dụng EMS hoặc LMS khác. Mỗi một cơ sở đào tạo được cấp một mã tài khoản (Account ID) và mật khẩu chung (Join password). Với mã tài khoản và mật khẩu chung này, giáo viên tự tạo tài khoản của mình để trở thành một giáo viên trong cơ sở đào tạo đó. Sau đó, giáo viên tự mở ra lớp của mình, và trực tiếp cung cấp mã lớp (Class ID) và mật khẩu (enrollment password) cho sinh viên để sinh viên đăng ký vào lớp đó. Khi đến hạn nộp bài, giáo viên tạo bài tập và đặt thời hạn để sinh viên nộp bài vào, chờ hệ thống kiểm tra và báo cáo các kết quả liên quan như Điểm nguyên gốc (Originality mark), mức độ giống bài (Similarity), hoặc các tiêu chí khác. Khi chấm bài, giáo viên sử dụng kết quả báo cáo của Turnitin để hỗ trợ quá trình đánh giá kết quả bài làm của sinh viên.

## **2.2. Kết quả ứng dụng Moodle và Turnitin tại Chương trình Cử nhân Quốc tế IBD@NEU**

Sau 4 năm ứng dụng Moodle, đến nay Moodle đã trở thành một môi trường hỗ trợ học tập quan trọng tại Chương trình. Ban đầu, Moodle chủ yếu dành cho các lớp giai đoạn chuyên ngành, nhưng hiện nay Moodle đã được triển khai đến cả giai đoạn tiếng Anh, giúp cho sinh viên có môi trường học tập tích cực và hiệu quả hơn.

Hiện nay, số tài khoản sử dụng Moodle tại Chương trình là gần 700, bao gồm cả giáo viên và sinh viên, với khoảng 30 môn học/lớp được tổ chức mỗi kỳ. Việc sử dụng Moodle đã góp phần đa dạng hóa môi trường học tập, giúp giáo viên có thể tương tác, trao đổi nhiều hơn với sinh viên, nhất là ở bên ngoài lớp học, nhờ thế giáo viên có thể thúc đẩy quá trình học tập và tự học của sinh viên. Với Moodle, giáo viên có thể chủ động hơn trong việc thiết kế các hình thức làm việc, đánh giá cho phù hợp và hiệu quả, qua đó, nâng cao vai trò chủ động và sáng tạo của giáo viên trong quá trình đào tạo. Với Moodle, sinh viên có thể tối đa hóa các cơ hội học tập bên ngoài lớp học bằng việc thực hiện các công việc theo hướng dẫn của giáo viên cung cấp, có thể trao đổi trực tiếp với giáo viên và các bạn khác trong lớp, trong nhóm để giải đáp các bài tập và hoàn thành các nhiệm vụ của môn học.

Sau gần một học kỳ triển khai Turnitin, phản hồi của giáo viên về ứng dụng này rất tích cực, giúp họ tiết kiệm thời gian trong quá trình đánh giá bài tập

của sinh viên, trong khi lại đảm bảo tránh được tình trạng gian lận khi làm bài tập. Với việc đưa ứng dụng này vào, sinh viên cũng có thái độ tích cực hơn trong việc tìm hiểu cách trích dẫn nguồn tài liệu cho chính xác, tập thói quen ghi chép, tập hợp tư liệu ngay trong quá trình thu thập thông tin, hiểu được ý nghĩa thực sự của “trung thực học thuật”, giá trị của tính “nguyên bản” (originality) và biết tôn trọng ý tưởng của người khác. Đây là một kết quả ban đầu rất khả quan vì đã làm thay đổi nhận thức của sinh viên đối với một trong những yêu cầu học thuật rất quan trọng nhưng cũng rất khó thực hiện triệt để từ trước đến nay trong Chương trình.

## **2.3. Kinh nghiệm thực hiện**

### **2.3.1. Những hạn chế, tồn tại**

Bên cạnh các kết quả tích cực, trong quá trình triển khai và thực hiện các ứng dụng này, Chương trình cũng gặp một số hạn chế, tồn tại như sau:

- Sinh viên không nắm được/hoặc nắm được ít thông tin của ứng dụng mới, không hiểu và/hoặc không quan tâm tới ứng dụng;

- Sinh viên tham gia không đủ nhiều, hoặc không liên tục và giảm dần sau một thời gian, đặc biệt là với Moodle;

- Giáo viên không thực sự tích cực để bảo đảm sự tham gia liên tục của sinh viên vào các ứng dụng mới;

- Sinh viên sử dụng một lúc nhiều tài khoản của các phần mềm, ứng dụng khác nhau và cảm thấy khó khăn trong việc nhớ thông tin của các tài khoản đó. Từ đó, các em có tâm lý ngại sử dụng vì thấy phức tạp, không thuận tiện. Ví dụ, hiện nay tại Chương trình Cử nhân Quốc tế, sinh viên được cung cấp một tài khoản Gmail đi kèm với các ứng dụng Google Apps, một tài khoản đăng nhập Cổng thông tin sinh viên UniSoft, một tài khoản đăng nhập Moodle, và một tài khoản để nộp bài vào Turnitin. Như vậy dù chưa tính đến các tài khoản cá nhân khác về email và các mạng xã hội, mỗi một sinh viên có tối thiểu 4 tài khoản cần ghi nhớ thông tin. Điều này thường dẫn đến hệ quả là các em thấy hệ thống quá phức tạp và ngại sử dụng, hoặc nhiều trường hợp, các em lưu lại mật khẩu tự động trên máy, và có thể dễ dàng bị mất nếu dùng chung hoặc cho người khác dùng chung máy tính.

### **2.3.2. Các giải pháp khắc phục**

Để khắc phục các khó khăn trên, các kinh nghiệm

thực hiện của Chương trình Cử nhân Quốc tế đã và đang triển khai là:

*Làm truyền thông để các đối tượng có liên quan nắm được các lợi ích cũng như quá trình triển khai thực hiện.* Đối với đội ngũ giảng viên, cần làm việc cụ thể và đưa yêu cầu rõ ràng để họ hiểu được kế hoạch, tham gia và đóng vai trò chủ động, tích cực trong quá trình truyền đạt với sinh viên. Đối với sinh viên, cần có kế hoạch truyền thông rõ ràng, hợp lý, đảm bảo tuyên truyền đến họ các thông tin rất cơ bản gồm: Loại hình ứng dụng, các lợi ích của ứng dụng, lộ trình triển khai, các kế hoạch hỗ trợ triển khai. Nếu hình thành được một nhóm sinh viên tham gia vào việc truyền thông cho kế hoạch thì thường hiệu quả sẽ tốt hơn, dễ tạo được sự lôi cuốn và hào hứng cho sinh viên.

*Đảm bảo thông tin đầy đủ và rõ ràng đến với giảng viên về kế hoạch triển khai các ứng dụng, các lợi ích của ứng dụng, và có yêu cầu cụ thể về những việc giảng viên phải thực hiện để đảm bảo sự tham gia tích cực của sinh viên.* Với vai trò là người tương tác trực tiếp với sinh viên, giảng viên đóng vai trò hết sức quan trọng để đảm bảo quá trình triển khai các ứng dụng được thành công. Nếu giảng viên làm hình thức, không tích cực thì quá trình vận hành ứng dụng sẽ không thể đạt được kết quả tốt. Ngược lại, nếu giảng viên tích cực chủ động thiết kế hoạt động, đưa thông tin, liên tục cập nhật về môn học, đưa các thông báo liên quan đến môn học, và các tài liệu tham khảo lên Moodle, thì sinh viên sẽ có hứng thú để vào sử dụng, từ đó dần tạo thành thói quen mới cho sinh viên trong việc sử dụng ứng dụng.

Thực tế cho thấy, nếu giảng viên hiểu và ủng hộ việc triển khai các ứng dụng thì họ sẽ theo sát sinh viên trong quá trình thực hiện, chủ động thiết kế các hoạt động để tạo cơ hội cho sinh viên tham gia và làm quen với ứng dụng. Theo thời gian, quy trình này sẽ trở thành quen thuộc với sinh viên và tạo cho sinh viên thói quen cần thiết để sử dụng các ứng dụng này. Vì thế quá trình làm việc với giảng viên để họ hiểu và hợp tác là điều kiện hết sức quan trọng để triển khai thành công các ứng dụng mới.

*Tích cực tập huấn, hướng dẫn cho sinh viên sử dụng phần mềm:* Để đảm bảo sinh viên nắm được cách sử dụng các phần mềm này, Chương trình đã kết hợp giữa việc tập huấn trực tiếp với việc cung cấp các hướng dẫn trực tuyến cho sinh viên. Tại các buổi tập huấn được bố trí vào đầu kỳ, sinh viên được

cấp tài khoản bảo mật và được hướng dẫn sử dụng ngay tài khoản cá nhân để thực hiện các thao tác đăng nhập, thay đổi mật khẩu và sử dụng. Bên cạnh đó, Chương trình đăng tải các clip hướng dẫn trên website Viện để dự phòng trong trường hợp sinh viên không thể tham dự buổi tập huấn trực tiếp, hoặc để sinh viên luôn có thể tham khảo và xem lại khi cần.

*Đưa ra những động cơ thiết thực để sinh viên duy trì việc đăng nhập, sử dụng tài khoản thường xuyên để kết nối với giảng viên và trợ giảng, như cung cấp Kế hoạch môn học trực tuyến trên Moodle, cung cấp các tài liệu tham khảo môn học thông qua ứng dụng, thay vì in trực tiếp cho từng sinh viên.* Ngoài ra, đây cũng nên được coi là kênh chính thức và chủ yếu để cung cấp thông tin liên quan đến môn học cho sinh viên để đảm bảo thông tin cung cấp là chính xác và kịp thời.

Về việc tạo thuận lợi cho sinh viên trong việc đăng nhập, tránh phải nhớ nhiều tài khoản một lúc, hiện nay Chương trình đang nghiên cứu và chạy thử nghiệm nâng cấp lên phiên bản Moodle mới nhất 2.5. Phiên bản này cho phép sinh viên có thể đăng nhập vào Moodle thông qua tài khoản Gmail mà không cần xác thực lại người dùng, đồng thời phiên bản mới này cũng cho phép tích hợp Turnitin vào trong Moodle, qua đó sinh viên sẽ nộp bài trực tiếp từ Moodle, tránh phải đăng nhập lại vào một hệ thống khác. Như vậy, việc đăng nhập và thăm một tài khoản duy nhất vẫn có thể cho phép sinh viên truy cập được nhiều thông tin hoặc thực hiện được nhiều thao tác khác nhau. Điều này sẽ làm gia tăng sự thích thú của sinh viên, cũng như hiệu quả đối với việc học tập của sinh viên.

### **3. Kết luận**

Với việc triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin trong Chương trình Cử nhân Quốc tế, sinh viên trong Chương trình đã có cơ hội tiếp cận với các yêu cầu đào tạo tiên tiến trên thế giới. Các hệ thống này đang từng bước tạo ra những thay đổi tích cực về mặt quản trị học tập cho Chương trình, mang lại một môi trường tương tác tích cực giữa giáo viên và sinh viên. Các ứng dụng này cũng có liên quan rất lớn tới vai trò của giáo viên, bởi muốn các ứng dụng này thành công, cần có được sự tham gia chủ động và tích cực của giáo viên. Ngoài ra, Turnitin cũng chính là một sự hỗ trợ quan trọng để giúp giáo viên có thể hoàn thành tốt hơn vai trò người đánh giá của mình,

mang lại sự công bằng trong đánh giá, đồng thời nhấn mạnh được tầm quan trọng của các yêu cầu học thuật đối với một chương trình đại học lấy bằng Cử nhân của các trường ĐHTH Vương quốc Anh.

Tuy thời gian triển khai chưa nhiều với cả hai ứng dụng, các ứng dụng này đã bước đầu phát huy được

hiệu quả của mình, góp phần tích cực vào sự phát triển chung của Chương trình. Cũng qua những khó khăn trong quá trình triển khai, Chương trình đã rút ra được những bài học kinh nghiệm bổ ích để tiếp tục nâng cao hiệu quả của các ứng dụng này trong tương lai. □

#### Tài liệu tham khảo:

- A Summary of the Effectiveness of Turnitin, 2011. Truy cập ngày 29/10/2013 tại [http://pages.turnitin.com/rs/iparadigms/images/en\\_gb\\_turnitin\\_effectiveness.pdf](http://pages.turnitin.com/rs/iparadigms/images/en_gb_turnitin_effectiveness.pdf)
- Athabasca University at a Glance, truy cập ngày 28/10/2013 tại <http://www.athabascau.ca/aboutau/glance.php>
- Cơ sở dữ liệu điện tử Turnitin, 2013. Truy cập ngày 29/10/2013, [http://turnitin.com/en\\_us/features/originality-check/content](http://turnitin.com/en_us/features/originality-check/content)
- Dougiamas, Martin, *Moodle: A Case Study In Sustainability*. Truy cập ngày 28/10/2013 tại <http://oss-watch.ac.uk/resources/cs-moodle>
- Learning Management System, 2008. Truy cập ngày 28/10/2013 tại [http://en.wikipedia.org/wiki/Learning\\_management\\_system](http://en.wikipedia.org/wiki/Learning_management_system)
- Nghiên cứu về tính hiệu quả của Turnitin, 2013. Truy cập ngày 29/10/2013 tại <http://pages.turnitin.com/effectiveness-sec-us.html>
- Sclater, N., Large-scale Open Source eLearning Systems at the Open University UK, Research Bulletin, Educause Center for Applied Research: Boulder, Colorado, vol.2008, iss. 12
- Thống kê Moodle (Moodle Statistics), Truy cập ngày 29/10/2013 tại <https://moodle.org/stats/>
- Tính nguyên bản học thuật (Academic Integrity), 2013. Truy cập ngày 28/10/2013 tại [http://en.wikipedia.org/wiki/Academic\\_integrity](http://en.wikipedia.org/wiki/Academic_integrity).

#### Enhancing quality of the Programme of International Bachelor Degree at National Economics University by applying Moodle and Turnitin software

##### Abstract:

*Based on its typical requirements, the Programme of International Bachelor Degree at National Economics University has pioneered in applying IT softwares into education management and learning management process. This paper points out common characteristics between those supporting systems in order to help clarify their roles and influences in each system, as well as functions of Moodle and Turnitin. The paper makes contribution by briefing the deploying process, the difficulties that faced the team as well as how they manage to overcome those difficulties.*

---

#### Thông tin tác giả:

\* **Trịnh Thị Thu Giang:** Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

- Nơi công tác: Viện Đào tạo Quốc tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Marketing, Quản lý giáo dục

- Một số tạp chí tác giả đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Kinh tế và Phát triển

Email: [trinh.giang@isneu.org](mailto:trinh.giang@isneu.org)

\*\***Ray Webster,** Phó giáo sư, Tiến sĩ

- Nơi công tác: Giảng viên Viện Đào tạo Quốc tế, Trường Đại học KTQD, đồng thời là phó giáo sư tại Trường Công nghệ thông tin, Đại học Murdoch, Australia.

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Nghiên cứu giáo dục, quản lý hệ thống thông tin, quản lý đào tạo

Email: [raywebster@isneu.org](mailto:raywebster@isneu.org)